

Số: /2024/QĐ-UBND

Bình Phước, ngày tháng năm 2024

Dự thảo

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành quy định diện tích hỗ trợ giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước.

### ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số ..../2024/NQ-HĐND ngày ..... tháng ..... năm 2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về chính sách đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số...../TT-STNMT ngày.....tháng.....năm 2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

### Chương I

### QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quyết định này quy định diện tích hỗ trợ giao đất, cho thuê đất để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước theo quy định hiện hành của Chính phủ (sau đây là hộ đồng bào

dân tộc thiểu số) theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo theo quy định hiện hành của Chính phủ đang sinh sống trên địa bàn tỉnh Bình Phước đã được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất quy định tại Khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai nhưng hiện nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp; thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp so với hạn mức giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp hoặc đang sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp không đủ 50% theo hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định;

2. Tổ chức được giao trách nhiệm quản lý quỹ đất tại địa phương và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Chương II**

### **DIỆN TÍCH HỖ TRỢ GIAO ĐẤT Ở, ĐẤT SẢN XUẤT NÔNG NGHIỆP; DIỆN TÍCH CHO THUÊ ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI ĐẤT Ở ĐỂ SẢN XUẤT, KINH DOANH<sup>1</sup>**

#### **Điều 3. Diện tích hỗ trợ đất ở<sup>2</sup>**

1. Tại các phường thuộc thành phố, thị xã và thị trấn thuộc huyện: Không quá 100 m<sup>2</sup>/hộ.

2. Tại các xã thuộc thành phố và thị xã: Không quá 150 m<sup>2</sup>/hộ.

3. Tại các xã thuộc huyện: Không quá 200m<sup>2</sup>/hộ.

Diện tích hỗ trợ giao đất ở nêu trên được tính trong tổng diện tích đất ở được Nhà nước giao đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **Điều 4. Diện tích hỗ trợ giao đất sản xuất nông nghiệp**

1. Diện tích hỗ trợ giao đất sản xuất nông nghiệp: Không quá 0,5 héc ta/hộ.

2. Diện tích hỗ trợ giao đất sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 1 Điều này được tính trong tổng diện tích đất sản xuất nông nghiệp được Nhà nước giao đất trong quá trình thực hiện các chính sách về đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

#### **Điều 5. Diện tích hỗ trợ cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh**

<sup>1</sup>Về hình thức giao đất, thời hạn sử dụng đất và việc miễn, giảm tiền sử dụng đất được quy định tại Điều 16, Điều 118, điểm c khoản 1 Điều 157 của Luật Đất đai năm 2024 và Nghị định hướng dẫn nên không quy định lại tại Quyết định này.

<sup>2</sup>Diện tích hỗ trợ đất ở: Không quá 50% hạn mức giao đất ở theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước

Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế và quỹ đất của địa phương quyết định diện tích hỗ trợ cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh để thực hiện chính sách hỗ trợ đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số tại địa phương.

### **Chương III**

#### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 6. Trách nhiệm của Sở Tài nguyên và Môi trường**

1. Việc thẩm định, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phải thẩm định chặt chẽ chỉ tiêu diện tích các loại đất, trong đó có diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách về đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh giao đất cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố để thực hiện các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh quy định tại khoản 1 Điều 2 của Quy định này.

#### **Điều 7. Trách nhiệm của Quỹ đầu tư phát triển tỉnh Bình Phước<sup>3</sup>**

Ứng vốn để thực hiện chính sách hỗ trợ giao đất, cho thuê đất, công nhận quyền sử dụng đất đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số không có đất ở, đất sản xuất nông nghiệp hoặc thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp.

#### **Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố**

1. Khi lập quy hoạch sử dụng đất cấp huyện phải xác định diện tích các loại đất để bảo đảm chính sách về đất đai đối với đồng bào dân tộc thiểu số<sup>4</sup>.

2. Tổng hợp các dự án bố trí đất ở, đất sản xuất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số của tỉnh<sup>5</sup> vào kế hoạch sử dụng đất hằng năm cấp huyện trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt; báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết việc thu hồi đất để thực hiện dự án phát triển kinh tế - xã hội vì lợi ích quốc gia, cộng đồng trên địa bàn tỉnh<sup>6</sup>.

3. Chỉ đạo Trung tâm Phát triển quỹ đất trực thuộc lập, tổ chức thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; lập dự án tạo quỹ đất để thực hiện chính sách đất đai đối với hộ đồng bào dân tộc thiểu số.

4. Lập phương án hỗ trợ hộ đồng bào dân tộc thiểu số trên cơ sở quỹ đất quy định tại khoản 4 Điều 16 Luật Đất đai.

<sup>3</sup>Quy định tại khoản 1 Điều 114 Luật Đất đai năm 2024

<sup>4</sup>Quy định tại điểm d khoản 1 Điều 66 Luật Đất đai năm 2024

<sup>5</sup>Quy định tại khoản 29 Điều 79 Luật Đất đai năm 2024

<sup>6</sup>Quy định tại Khoản 2 Điều 14 Luật Đất đai năm 2024

5. Ban hành quyết định giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ chính sách tại địa phương.

### **Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn**

1. Rà soát, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 15 tháng 10 hàng năm về các trường hợp:

a) Chưa được hỗ trợ đất đai lần đầu quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai;

b) Không còn hoặc thiếu đất ở, đất nông nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai;

c) Các trường hợp quy định tại khoản 7 Điều 16 Luật Đất đai;

d) Đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp quy định tại khoản 3 Điều 16 Luật Đất đai mà chết nhưng không có người thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai; người sử dụng đất chuyển khỏi địa bàn cấp tỉnh nơi có đất đến nơi khác sinh sống hoặc không còn nhu cầu sử dụng mà không tặng cho, chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người thuộc hàng thừa kế là đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 16 Luật Đất đai.

2. Trình Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất đối với các trường hợp quy định tại điểm c và điểm d khoản 2 Điều 8 Nghị định quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai để tiếp tục giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh cho hộ đồng bào dân tộc thiểu số theo quy định tại Điều 16 Luật Đất đai.

3. Kiểm tra, giám sát việc sử dụng đất của hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hỗ trợ chính sách. Kịp thời phát hiện, ngăn chặn các hành vi chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện xử lý.

### **Điều 10. Điều khoản thi hành và hiệu lực chuyển tiếp**

1. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ... tháng ... năm 2024.

2. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp theo quy định của pháp luật trước ngày Luật Đất đai có hiệu lực thi hành, nhưng hiện nay không còn đất ở, đất sản xuất nông nghiệp; thiếu đất ở, đất sản xuất nông nghiệp so

với hạn mức giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp hoặc đang sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp không đủ 50% theo hạn mức giao đất do Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước quy định thì tiếp tục được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai tại Quyết định này.

3. Hộ đồng bào dân tộc thiểu số được hưởng chính sách hỗ trợ đất đai mà không chấp hành các quy định của Nhà nước, có hành vi chuyển nhượng, góp vốn, tặng cho, thừa kế, thế chấp quyền sử dụng đất đã được Nhà nước giao đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, công nhận quyền sử dụng đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, cho thuê đất không phải là đất ở để sản xuất, kinh doanh cho người khác (trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 48 Luật Đất đai) thì Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành quyết định thu hồi đất và không bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đối với bên nhận chuyển nhượng, bên nhận góp vốn, bên nhận tặng cho, nhận thừa kế, nhận thế chấp quyền sử dụng đất.

### **Điều 11. Tổ chức thực hiện**

Các ông (bà) Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

#### ***Nơi nhận:***

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, TT. HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Như Điều 11;
- Trung tâm PVHCC;
- LĐVP, P. KT, NC;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
CHỦ TỊCH**